

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và một số chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị PJICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

1.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện (theo báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2024):

- Tổng lợi nhuận trước thuế :	291,191,361,657 đồng
- Thuế TNDN:	58,950,856,426 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế :	232,240,505,231 đồng

1.2 Trình HĐQT phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế:	232,240,505,231 đồng
- Chi trả cổ tức 12%:	133,076,155,200 đồng
- Trích quỹ dự trữ bắt buộc 5% LNST (đã trích đạt 10% vốn điều lệ):	- đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển 14% LNST:	32,513,670,732 đồng
- Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân):	28,657,849,623 đồng
- Trích quỹ phúc lợi cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân):	28,657,849,623 đồng
- Trích quỹ khen thưởng thuộc HĐQT để khen thưởng cho các Đơn vị thành viên và các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:	5,000,000,000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng khách hàng, cá nhân và tổ chức hợp tác, hỗ trợ và đóng góp cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là 1% Lợi nhuận sau thuế. Giao Tổng giám đốc căn cứ tình hình thực tế sử dụng quỹ khen thưởng nhằm đạt hiệu quả cao nhất.	2,322,405,052 đồng
- Trích quỹ khen thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận cho người quản lý (HĐQT, Ban điều hành, kế toán trưởng) tham gia quản lý điều hành TCT trong năm 2024 - 2 tháng lương, thưởng, thù lao/người theo Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý được tính theo thời gian thực tế tham gia quản lý điều hành năm 2024 - theo Phụ lục 01 đính kèm.	2,012,575,000 đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:	- đồng

2- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu sau:

Căn cứ vào doanh thu thực hiện năm 2024 của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2025, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu bảo hiểm gốc: 4.400 tỷ đồng;



- Lợi nhuận trước thuế: 306 tỷ đồng (tăng trưởng 5% so với năm 2024), phần đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận 8% so với thực hiện năm 2024.

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 12% vốn điều lệ

Thuyết minh kế hoạch kinh doanh năm 2025 - theo Phụ lục 02;03 đính kèm.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;


Phạm Thanh Hải



PHỤ LỤC 01: BẢNG KÊ TÍNH QUỸ KHEN THƯỞNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CHO NGƯỜI QUẢN LÝ (HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG) TỔNG CÔNG TY NĂM 2024

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức lương, thù lao	Thời gian công tác năm 2024 (tháng)	Số tháng thưởng	Số tiền thưởng theo thời gian đảm nhận chức vụ	Ghi chú
	<u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>					<u>993,775,000</u>	
1	Phạm Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	110,600,000	12.0	2.0	221,200,000	
2	Trịnh Thị Quỳnh Hương	TV HĐQT chuyên trách	70,500,000	3.5	2.0	41,125,000	Thôi chức danh Thành viên HĐQT từ 10/4/2024
3	Nguyễn Thị Hương Giang	TV HĐQT kiêm nhiệm	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
4	Lee Jea Hoon	TV HĐQT kiêm nhiệm	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
5	Trương Diệu Linh	TV HĐQT kiêm nhiệm	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
6	Nguyễn Mạnh Linh	TV HĐQT kiêm nhiệm	70,500,000	3.5	2.0	41,125,000	Thôi chức danh Thành viên HĐQT từ 10/4/2024
7	Trần Thị Bảo Ngọc	TV HĐQT kiêm nhiệm	62,900,000	8.5	2.0	89,108,333	Giữ chức danh Thành viên HĐQT từ 10/4/2024
8	Hà Kim Anh	TV HĐQT kiêm nhiệm	62,900,000	8.5	2.0	89,108,333	Giữ chức danh Thành viên HĐQT từ 10/4/2024
9	Lê Thị Lan Anh	TV HĐQT kiêm nhiệm	62,900,000	8.5	2.0	89,108,333	Giữ chức danh Thành viên HĐQT từ 10/4/2024
	<u>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</u>					<u>893,000,000</u>	
1	Nguyễn Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc	94,000,000	12.0	2.0	188,000,000	
2	Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
3	Bùi Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
4	Lê Thanh Đạt	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
5	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
6	Bùi Văn Thảo	Phó Tổng Giám đốc	70,500,000	12.0	2.0	141,000,000	
	<u>KẾ TOÁN TRƯỞNG</u>					<u>125,800,000</u>	
1	Phạm Thu Hiền	Kế toán trưởng	62,900,000	12.0	2.0	125,800,000	
	Tổng cộng					<u>2,012,575,000</u>	

PHỤ LỤC 02: SỐ LIỆU KẾ HOẠCH DOANH THU BẢO HIỂM GỐC 2025

ĐVT: triệu đồng

MNV	Tên nghiệp vụ	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	% Tăng trưởng
01	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	395,612	396,000	0.1%
02	Bảo hiểm thân tàu biển	76,549	78,000	1.9%
03	Bảo hiểm P&I tàu biển	212,193	212,000	-0.1%
04	Bảo hiểm tàu thủy nội địa	11,392	12,000	5.3%
05	Bảo hiểm tàu cá	1,047	1,000	-4.5%
06	Bảo hiểm xe ô tô	1,573,920	1,574,000	0.0%
07	Bảo hiểm mô tô, xe máy	65,291	65,000	-0.4%
08	Bảo hiểm học sinh, giáo viên	85,964	86,000	0.0%
09	Con người khác	580,284	580,000	0.0%
10	Bảo hiểm cháy nổ, mọi rủi ro tài sản	969,161	991,000	2.3%
11	Bảo hiểm kỹ thuật	178,215	182,000	2.1%
12	Bảo hiểm hỗn hợp	153,622	154,000	0.2%
13	Bảo hiểm hàng không, năng lượng, khác	93,257	69,000	-26.0%
67	Bảo hiểm khai thác hải sản theo NĐ 67 (nếu có)			
	Tổng cộng	4,396,505	4,400,000	0.1%

PHỤ LỤC 03 - SỐ LIỆU KẾ HOẠCH KẾT QUẢ KINH DOANH 2025

Chỉ tiêu	Tổng	Gốc (không tàu cá 67)	Nhận tái BH	Đầu tư
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	4,611,563	4,397,549	214,014	
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	4,400,000	4,400,000		
- Phí nhận tái bảo hiểm	214,000	-	214,000	
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	2,437	2,451	(14)	
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	1,533,019	1,515,883	17,136	
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1,549,779	1,532,456	17,323	
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16,760	16,572	187	
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)	3,078,544	2,881,665	196,878	
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	450,188	435,120	15,068	
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	316,089	313,853	2,235	
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	134,099	121,267	12,832	
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)	3,528,732	3,316,786	211,946	
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	1,770,442	1,631,360	139,082	
Trong đó:				
-Tổng chi bồi thường	1,770,442	1,631,360	139,082	
-Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)				
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	351,603	339,915	11,689	
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	855	854	1	
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	8,782	8,772	10	
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	1,410,911	1,283,527	127,384	
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	-	-	-	
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	1,212,886	1,129,324	83,562	
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	239,942	194,604	45,339	
- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm và chi phí khác	972,944	934,720	38,224	
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2,623,797	2,412,851	210,946	-
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)	904,935	903,935	1,000	-
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-			-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	-			-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)	-			-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	85,901			85,901
19. Chi phí hoạt động tài chính	21,046			21,046
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)	64,855			64,855
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	683,416	683,416	-	
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 - 26)	286,373	220,519	1,000	64,855
23. Thu nhập khác	24,733			24,733
24. Chi phí khác	5,100			5,100
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	19,633	-	-	19,633
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	306,006	220,519	1,000	84,488